Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng và Bất động sản Thái Bình Dương

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán kết thúc 30 tháng 6 năm 2012

và Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng và Bất động sản Thái Bình Dương

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 25

Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng và Bất động sản Thái Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng và Bất động sản Thái Bình Dương (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng và Bất động sản Thái Bình Dương được đổi tên từ Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 135 vào ngày 25 tháng 12 năm 2009 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0303614496. Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 135 được thành lập theo Quyết định số 3204/QĐ/BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ngày 27 tháng 10 năm 2004. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002992 ngày 27 tháng 12 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 16 vào ngày 19 tháng 4 năm 2012.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Nuôi trồng thủy sản biển. Nuôi trồng thủy sản nội địa. Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Sản xuất sản phẩm khác từ cao su. Bán buôn cao su nguyên liệu. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống. Bán buôn gạo. Bán buôn thực phẩm. Bán buôn đồ uống. Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật. Sản xuất đồ điện dân dụng. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Bán lẻ thực phẩm trong các cửa chuyên doanh. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. Xây dựng các công trình giao thông: giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi điện. Thí nghiệp vật liệu, kiểm tra chất lượng công trình không do công ty thi công. Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng. Sửa chữa phương tiện xe máy, thiết bị thi công; gia công cơ khí. Kinh doanh nhà. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, khu đô thị. Mua bán vật tư thiết bị phục vụ ngành giao thông vận tải. Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, dịch vụ ăn uống. Trồng lúa, ngô, cây lương thực có hạt, rau, đậu, hoa, cây cảnh, cây ăn quả. Trồng rừng và chăm sóc rừng. Khai thác gỗ. Đại lý du lịch. Điều hành tua du lịch. Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch. Định giá, tư vấn, môi giới, quảng cáo, đấu giá, quản lý bất động sản. Sàn giao dịch bất động sản. Đại lý bán vé máy bay. Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ). Thiết kế kiến trúc công trình. Thiết kế quy hoạch chi tiết xây dựng.

Công ty có trụ sở chính tại 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 của Công ty là **41.696.146** đồng Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát của công ty trong kỳ báo cáo và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm	Ngày mãn nhiệm
Ông Phạm Đức Tấn	Chủ tịch	08/08/2009	-
Ông Đặng Văn Phúc	Thành viên	08/08/2009	-
Ông Vương Đáng	Thành viên	08/08/2009	10/04/2012
Ông Phạm Đức Trung	Thành viên	10/04/2012	-
Ông Đoàn Đức Vịnh	Thành viên	08/08/2009	18/06/2012
Ông Nguyễn Vũ Bảo Hoàng	Thành viên	08/08/2009	-
Ông Phan Đình Tuệ	Thành viên	18/06/2012	-

Ban Tổng giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày mãn nhiệm
Ông Phạm Đức Tấn	Tổng giám đốc	18/01/2010	-
Ông Đặng Văn Phúc	Phó tổng giám đốc	18/01/2010	-
Ông Đặng Xuân Hùng	Phó tổng giám đốc	18/01/2010	-
Ông Vũ Văn Tuấn	Phó tổng giám đốc	27/04/2011	-
Ông Phạm Đức Trung	Phó tổng giám đốc	27/04/2011	-
Ông Trần Anh Tuấn	Phó tổng giám đốc	18/01/2010	19/01/2012

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày mãn nhiệm
Ông Nguyễn Hoàng Long	Trưởng ban	08/08/2009	-
Ông Nguyễn Ngọc Hân	Thành viên	08/08/2009	-
Ông Vũ Văn Tuấn	Thành viên	08/08/2009	28/05/2012
Ông Hà Hữu Khương	Thành viên	28/05/2012	-

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban giám đốc đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc

Phạm Đức Tấn
Tổng giám đốc
Ngày 24 tháng 7 năm 2012

CÔNG TY KIỂM TOÁN & KẾ TOÁN HÀ NỘI
296 Phan Xích Long, P.2, Q.Phú Nhuận, TP.HCM
Tel: (848) 3517.1936 - Fax: (848) 3517.1935
Email: info.hcm@cpahanoi.com - www.cpahanoi.com

Số: 12-2-085/CPAHANOI/HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng và Bất động sản Thái Bình Dương cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng và Bất động sản Thái Bình Dương

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng và Bất động sản Thái Bình Dương được lập vào ngày 24 tháng 07 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ thuộc trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi tin rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng và Bất động sản Thái Bình Dương vào ngày 30 tháng 06 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tô Quang Tùng	Hồ Đình Phúc
Giám đốc chi nhánh	Kiểm toán viên
Số đăng ký: 0270/KTV	Số đăng ký: 1268/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2012

Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng và Bất động sản Thái Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị: đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**697.516.045.917**	**663.724.201.813**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**2.869.575.246**	**6.675.182.615**
1. Tiền	111	3	2.869.575.246	6.675.182.615
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	4	**-**	**256.719.600**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	1.097.470.077
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(840.750.477)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**283.081.384.104**	**285.659.985.764**
1. Phải thu khách hàng	131		225.445.383.593	242.520.033.765
2. Trả trước cho người bán	132		42.474.060.498	42.893.745.694
3. Các khoản phải thu khác	135	5	15.161.940.013	246.206.305
IV. Hàng tồn kho	**140**		**383.943.240.207**	**337.499.858.380**
1. Hàng tồn kho	141	6	383.943.240.207	337.499.858.380
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**27.621.846.360**	**33.632.455.454**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.552.025.248	656.179.666
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.726.583.884	11.149.971.277
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	12.343.237.228	21.826.304.511
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**40.223.125.502**	**55.511.185.350**
I. Tài sản cố định	**220**		**31.953.264.152**	**35.708.160.603**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	27.183.464.152	30.938.360.603
- Nguyên giá	222		37.422.279.002	41.069.274.567
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(10.238.814.850)	(10.130.913.964)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	4.769.800.000	4.769.800.000
- Nguyên giá	228		4.769.800.000	4.769.800.000
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**7.490.130.950**	**19.393.987.075**
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	-	11.807.622.125
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	7.586.364.950	7.586.364.950
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	11	(96.234.000)	-
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**779.730.400**	**409.037.672**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		779.730.400	409.037.672
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**737.739.171.419**	**719.235.387.163**

Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng và Bất động sản Thái Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị: đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**472.366.153.677**	**465.651.901.284**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**466.907.001.621**	**460.098.459.668**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	309.596.309.931	318.013.516.528
2. Phải trả người bán	312		53.072.014.609	48.643.370.984
3. Người mua trả tiền trước	313		39.994.354.589	23.872.473.058
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	1.688.892.586	1.679.066.195
5. Phải trả người lao động	315		2.004.159.299	758.354.121
6. Chi phí phải trả	316	14	10.818.193.822	7.636.439.956
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	47.644.995.216	57.594.426.714
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.088.081.569	1.900.812.112
II. Nợ dài hạn	**330**		**5.459.152.056**	**5.553.441.616**
1. Vay và nợ dài hạn	334	16	5.553.441.616	5.553.441.616
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		(94.289.560)	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**265.373.017.742**	**253.583.485.879**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**265.373.017.742**	**253.583.485.879**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	122.167.330.000	122.167.330.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	17	86.080.207.303	86.080.207.303
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	17	21.494.068.253	21.494.068.253
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	17	10.928.656.865	10.928.656.865
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	17	24.702.755.321	12.913.223.458
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**737.739.171.419**	**719.235.387.163**

Phạm Thị Lan Hương	Tô Thị Thúy Hà	Phạm Đức Tấn
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc

Ngày 24 tháng 7 năm 2012

Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng và Bất động sản Thái Bình Dương

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		64.610.173.849	76.093.445.716
2. Các khoản giảm trừ	03		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch	**10**	**18**	**64.610.173.849**	**76.093.445.716**
4. Giá vốn hàng bán	11	19	54.848.243.098	62.550.423.220
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**9.761.930.751**	**13.543.022.496**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	494.088.537	2.023.409.477
7. Chi phí tài chính	22	21	5.328.847.655	4.161.189.958
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		4.875.373.849	3.128.732.266
8. Chi phí bán hàng	24		724.518.802	300.269.034
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.054.716.746	3.036.916.301
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**1.147.936.085**	**8.068.056.680**
11. Thu nhập khác	31		2.214.365.345	121.084.945
12. Chi phí khác	32		3.217.505.126	289.495.601
13. Lợi nhuận khác	**40**		**(1.003.139.781)**	**(168.410.656)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**144.796.304**	**7.899.646.024**
15. Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	103.100.158	1.965.305.581
16. Thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**41.696.146**	**5.934.340.443**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**24**	**3**	**487**

Phạm Thị Lan Hương	Tô Thị Thúy Hà	Phạm Đức Tấn
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc

Ngày 24 tháng 7 năm 2012

Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng và Bất động sản Thái Bình Dương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**144.796.304**	**7.899.646.024**
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		1.235.046.458	1.966.655.423
- Các khoản dự phòng	03		1.944.440	243.115.800
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		231.997.953	(1.488.849.590)
- Chi phí lãi vay	06		4.875.373.849	3.128.732.266
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**6.489.159.004**	**11.749.299.923**
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		21.292.678.461	20.201.528.744
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(32.830.767.261)	(53.091.079.885)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		29.539.751.415	(21.897.108.116)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(1.266.538.310)	(669.350.495)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(20.486.447.552)	(14.995.139.508)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(388.584.591)	(2.153.506.243)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(282.223.578)	(1.200.084.626)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**2.067.027.588**	**(62.055.440.206)**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		2.195.454.545	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		329.508.000	-
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(382.877.875)	-
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		382.877.875	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		19.609.095	1.508.032.430
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**2.544.571.640**	**1.508.032.430**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
-Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	413.385.303
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		95.604.632.000	122.584.000.000
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(104.021.838.597)	(59.287.004.308)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(8.417.206.597)**	**63.710.380.995**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**(3.805.607.369)**	**3.162.973.219**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	3	**6.675.182.615**	**5.520.642.485**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	3	**2.869.575.246**	**8.683.615.704**

Phạm Thị Lan Hương	Tô Thị Thúy Hà	Phạm Đức Tấn
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc

Ngày 24 tháng 7 năm 2012

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng và Bất động sản Thái Bình Dương được đổi tên từ Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 135 vào ngày 25 tháng 12 năm 2009 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0303614496. Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 135 được thành lập theo Quyết định số 3204/QĐ/BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ngày 27 tháng 10 năm 2004. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002992 ngày 27 tháng 12 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 16 vào ngày 19 tháng 4 năm 2012.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Nuôi trồng thủy sản biển. Nuôi trồng thủy sản nội địa. Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Sản xuất sản phẩm khác từ cao su. Bán buôn cao su nguyên liệu. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán buôn gạo. Bán buôn thực phẩm. Bán buôn đồ uống. Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật. Sản xuất đồ điện dân dụng. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Bán lẻ thực phẩm trong các cửa chuyên doanh. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. Xây dựng các công trình giao thông: giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi điện. Thí nghiệp vật liệu, kiểm tra chất lượng công trình không do công ty thi công. Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng. Sửa chữa phương tiện xe máy, thiết bị thi công; gia công cơ khí. Kinh doanh nhà. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, khu đô thị. Mua bán vật tư thiết bị phục vụ ngành giao thông vận tải. Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, dịch vụ ăn uống. Trồng lúa, ngô, cây lương thực có hạt, rau, đậu, hoa, cây cảnh, cây ăn quả. Trồng rừng và chăm sóc rừng. Khai thác gỗ. Đại lý du lịch. Điều hành tua du lịch. Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch. Định giá, tư vấn, môi giới, quảng cáo, đấu giá, quản lý bất động sản. Sàn giao dịch bất động sản. Đại lý bán vé máy bay. Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ). Thiết kế kiến trúc công trình. Thiết kế quy hoạch chi tiết xây dựng.

Công ty có trụ sở chính tại 31/21 đường Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán này bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012. Kỳ kế toán trước bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

Đơn vị tiền tệ sử dụng

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán đăng ký áp dụng của Công ty là Nhật ký chung, kế toán trên máy vi tính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ Tài Chính ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ kế toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá vốn hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo nguyên giá, khấu hao và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm giá mua cộng chi phí vận chuyển, lắp đặt.Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc thiết bị	6 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Công cụ dụng cụ quản lý, tài sản khác	2 - 6 năm

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị quyền sử dụng đất không được khấu hao do quyền sử dụng đất không xác định được thời hạn sử dụng.

Đầu tư chứng khoán

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:
- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí lãi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh kỳ kế toán hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán bằng cách so sánh tỷ lệ của chi phí của hợp đồng phát sinh cho phần công việc đã được hoàn thành đến ngày này so với tổng chi phí hợp đồng, trừ phi tỷ lệ này không đại diện cho mức độ hoàn thành. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Thuế phải nộp được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho nhà nước, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại: Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày cuối kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kê toán.

3. TIỀN

Đơn vị: đồng Việt Nam

	30/6/2012	01/01/2012
Tiền mặt tại quỹ	2.464.084.959	1.195.098.030
Tiền gửi ngân hàng	405.490.287	5.123.463.585
Tiền đang chuyển	-	356.621.000
Tổng cộng	**2.869.575.246**	**6.675.182.615**

4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

	30/6/2012	01/01/2012
Đầu tư vào cổ phiếu	-	**1.097.470.077**
Cổ phiếu EIB – 8.372 cổ phiếu	-	194.136.744
Cổ phiếu SSI – 10.000 cổ phiếu	-	903.333.333
Dự phòng giảm giá cổ phiếu	-	**(840.750.477)**
Cổ phiếu EIB	-	(74.417.144)
Cổ phiếu SSI	-	(766.333.333)
Tổng cộng	-	**256.719.600**

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

	30/6/2012	01/01/2012
Ông Vũ Văn Tuấn	11.807.622.125	-
Phải thu các đối tượng khác	3.354.317.888	246.206.305
Tổng cộng	**15.161.940.013**	**246.206.305**

6. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị: đồng Việt Nam

	30/6/2012	01/01/2012
Nguyên vật liệu	27.478.184	16.778.184
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	383.915.762.023	337.483.080.196
Các dự án phát triển khu đô thị và căn hộ	*376.058.384.152*	*333.301.675.895*
Các công trình xây dựng giao thông	*7.857.377.871*	*4.181.404.301*
Tổng cộng	**383.943.240.207**	**337.499.858.380**

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

	30/6/2012	01/01/2012
Tạm ứng	12.343.237.228	21.826.304.511
Tổng cộng	**12.343.237.228**	**21.826.304.511**

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	7.400.562.775	19.673.546.718	13.859.082.801	136.082.273	41.069.274.567
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.646.995.565)	-	-	(3.646.995.565)
Số dư cuối kỳ	7.400.562.775	16.026.551.153	13.859.082.801	136.082.273	37.422.279.002
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	1.381.260.012	4.942.740.199	3.719.031.555	87.882.198	10.130.913.964
Khấu hao trong kỳ	173.372.564	617.347.037	436.143.981	8.182.876	1.235.046.458
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.127.145.572)	-	-	(1.127.145.572)
Số dư cuối kỳ	1.554.632.576	4.432.941.664	4.155.175.536	96.065.074	10.238.814.850
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	6.019.302.763	14.730.806.519	10.140.051.246	48.200.075	30.938.360.603
Tại ngày cuối kỳ	5.845.930.199	11.593.609.489	9.703.907.265	40.017.199	27.183.464.152

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất sử dụng lâu dài nên không tính khấu hao.

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Đơn vị: đồng Việt Nam

	30/6/2012		01/01/2012	
	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	**Giá trị vốn góp**	**Tỷ lệ % quyền biểu quyết**	**Giá trị vốn góp**
Công ty cổ phần Indeco	-	-	93%	11.807.622.125
Tổng cộng		-		**11.807.622.125**

Trong kỳ Công ty đã tiến hành thoái vốn toàn bộ tại Công ty cổ phần Indeco.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đơn vị: đồng Việt Nam

	30/6/2012		01/01/2012	
	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	**Giá trị vốn góp**	**Tỷ lệ % quyền biểu**	**Giá trị vốn góp**
Giá trị đầu tư vào công ty liên kết		**7.586.364.950**		**7.586.364.950**
Công ty CP XD CT Miền Đông	49%	2.450.000.000	49%	2.450.000.000
Công ty CP ĐT&PT Hạ Tầng Kinh Bắc	49%	1.536.364.950	49%	1.536.364.950
Công ty CPĐT & XD Thái Bình Dương	30%	3.600.000.000	30%	3.600.000.000
Dự phòng tổn thất khoản đầu tư		**(96.234.000)**		-
Công ty CP ĐT&PT Hạ Tầng Kinh Bắc		(96.234.000)		-
Giá trị thuần		**7.490.130.950**		**7.586.364.950**

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

	30/6/2012	01/01/2012
Vay ngắn hạn	**289.289.551.667**	**292.000.000.000**
Vay cá nhân (a)	1.757.479.000	-
Công ty Tài Chính Cao Su (b)	127.132.072.667	131.200.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Long An (c)	96.000.000.000	96.000.000.000
NH Công Thương Việt Nam – CN Thủ Đức (d)	40.300.000.000	46.800.000.000
Ngân hàng NN & PTNT- CN Miền Đông (e)	16.000.000.000	16.000.000.000
Ngân hàng Phương Nam – PGD Bình Triệu (f)	2.100.000.000	2.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Long An (g)	6.000.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 16)	**20.306.758.264**	**26.013.516.528**
Tổng cộng	**309.596.309.931**	**318.013.516.528**

(a) Khoản vay cá nhân với lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay từ 1 đến 12 tháng, mục đích vay là tài trợ cho vốn lưu động, các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(b) Vay Công ty Tài Chính Cao Su:

Hợp đồng số 227/10/HĐNH-TCCS-TD ngày 23/09/2010, với hạn mức vay là 76.000.000.000 đồng, số tiền vay tại ngày 30/06/2012 là 69.932.072.667 đồng, mục đích vay để bổ sung vốn thực hiện dự án Cao ốc Văn Phòng và căn hộ PPI Tower, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 2%/tháng, tài sản đảm bảo là toàn bộ dự án đầu tư cao ốc văn phòng và căn hộ PPI Tower.

Hợp đồng số 08/11/HĐNH-TCCS-TD ngày 18/03/2011, hạn mức vay là 70.000.000.000 đồng, số tiền vay tại ngày 30/06/2012 là 46.000.000.000 đồng, mục đích là vay để bổ sung nguồn vốn thi công các công trình giao thông và triển khai đền bù phần diện tích đất dự án còn lại, dự án khu phức hợp căn hộ và dịch vụ ven sông Sài Gòn, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 2%/tháng, tài sản đảm bảo là Dự án khu phức hợp căn hộ và dịch vụ ven sông Sài Gòn.

Hợp đồng số 89/11/HD-TCCS-TD ngày 11/7/2011 với hạn mức là 11.200.000.000 đồng, số tiền vay tại ngày 30/06/2012 là 11.200.000.000 đồng, mục đích là bổ sung vốn lưu động thi công các công trình giao thông, thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất là 2%/tháng, tài sản đảm bảo là bất động sản ở Xã Vĩnh Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thế chấp số 107/11/HĐTD-TCCS-TD.

(c) Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Long An theo:

Khoản vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Chi Nhánh Long An với tổng hạn mức tín dụng là 96.000.000.000 đồng, số tiền vay tại ngày 30/06/2012 là 96.000.000.000 đồng, thời hạn vay từ 4 – 12 tháng, lãi suất vay giao động từ 14% đến 22%/năm, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động cho các công trình, khoản vay có tài sản đảm bảo.

(d) Vay Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đức theo:

Hợp đồng số 11.12.0026/HĐTD ngày 15/06/2011 với hạn mức là 7.000.000.000 đồng, số tiền vay tại ngày 30/06/2012 là 7.000.000.000 đồng, mục đích là bổ sung vốn lưu động thi công công trình, lãi suất 17%/năm, thời hạn 12 tháng, khoản vay có tài sản đảm bảo.

Hợp đồng tín dụng số 11.12.0031/HĐTD ngày 15/08/2011 với hạn mức là 5.800.000.000 đồng, số tiền vay tại ngày 30/06/2012 là 5.800.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn phục vụ cho dự án thi công công trình, thời hạn 12 tháng, lãi suất 17%/ năm, khoản vay có tài sản đảm bảo.

Hợp đồng tín dụng số 11.12.0037/HĐTD ngày 15/09/2011 tại chi nhánh Thủ Đức - NHTMCP Công Thương Việt Nam, hạn mức cho vay là 5.000.000.000 đồng, số tiền vay tại ngày 30/06/2012 là 5.0000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn thi công công trình, thời hạn 12 tháng, lãi suất 17%/năm, khoản vay có tài sản đảm bảo.

Hợp đồng tín dụng số 11.12.0038/HĐTD ngày 13/09/2011, tại chi nhánh Thủ Đức - NHTMCP Công Thương Việt Nam với hạn mức cho vay là 6.000.000.000 đồng, số tiền vay tại ngày 30/06/2012 là 6.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn phục vụ cho dự án thi công công trình, thời hạn 11 tháng, lãi suất 17%/tháng, khoản vay có tài sản đảm bảo.

Hợp đồng tín dụng số 11.12.0047/HĐTD ngày 02/11/2011 tại chi nhánh Thủ Đức- NHTMCP Công Thương Việt Nam với hạn mức cho vay là 4.000.000.000 đồng, số tiền vay tại ngày 30/06/2012 là 4.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động thi công công trình, thời hạn 8 tháng, lãi suất 17%/năm, khoản vay có tài sản đảm bảo.

Hợp đồng tín dụng số 11.12.0049/HĐTD ngày 15/11/2011 với hạn mức là 3.000.000.000 đồng, số tiền vay tại ngày 30/06/2012 là 3.000.000.000 đồng, mục đích là bổ sung vốn lưu động thi công công trình, thời hạn 12 tháng, lãi suất 17%/năm, khoản vay có tài sản đảm bảo.

Hợp đồng tín dụng số 12.12.0006/HĐTD ngày 28/03/2012 với hạn mức là 3.000.000.000 đồng, số tiền vay tại ngày 30/06/2012 là 3.000.000.000 đồng, mục đích là bổ sung vốn lưu động thi công công trình, thời hạn 6 tháng, lãi suất 17%/năm, khoản vay có tài sản đảm bảo.

Hợp đồng tín dụng số 12.12.0011/HĐTD ngày 27/04/2012 với hạn mức là 2.500.000.000 đồng, số tiền vay tại ngày 30/06/2012 là 2.500.000.000 đồng, mục đích là bổ sung vốn lưu động thi công công trình, thời hạn 6 tháng, lãi suất 17%/năm, khoản vay có tài sản đảm bảo.

Hợp đồng tín dụng số 12.12.0015/HĐTD ngày 24/05/2012 với hạn mức là 4.000.000.000 đồng, số tiền vay tại ngày 30/06/2012 là 4.000.000.000 đồng, mục đích là bổ sung vốn lưu động thi công công trình, thời hạn 6 tháng, lãi suất 17%/năm, khoản vay có tài sản đảm bảo.

(e) Vay ngắn hạn ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam – Chi nhánh Miền Đông theo:

Hợp đồng tín dụng số 1904-LAV-201000079 ngày 08/02/2011 với hạn mức tín dụng 10.000.000.000 đồng, số tiền vay tại ngày 30/06/2012 là 10.000.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, thời gian vay 12 tháng, lãi suất 18,5%/năm, khỏan vay có tài sản đảm bảo.

Hợp đồng tín dụng số 1904-LAV-2011902/HĐTD ngày 29/12/2011 với hạn mức cho vay là 6.000.000.000 đồng, số tiền vay tại ngày 30/06/2012 là 6.000.000.000 đồng, mục đích là bổ sung vốn lưu động thi công công trình, thời hạn vay 8 tháng, lãi suất là 18%/năm, khoản vay có tài sản đảm bảo.

(f) Vay của Ngân hàng TMCP Phương Nam:

Hợp đồng tín dụng số 120/HĐTD.CC/2012 ngày 10/04/2012 tại ngân hàng TMCP Phương Nam, với hạn mức cho vay là 2.000.000.000 đồng, số tiền vay tại ngày 30/06/2012 là 2.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung nguồn vốn kinh doanh, thời hạn từ 10/05/2012 đến 30/06/2012, lãi suất 1,9%/tháng, khoản vay có tài sản đảm bảo.

Hợp đồng tín dụng số 228/HĐTD.CC/2012 ngày 19/06/2012 tại ngân hàng TMCP Phương Nam, với hạn mức cho vay là 100.000.000 đồng, số tiền vay tại ngày 30/06/2012 là 100.000.000 đồng, mục đích bổ sung nguồn vốn kinh doanh, thời hạn từ từ 19/06/2012 đến 30/06/2012, lãi suất 16%/năm, khoản vay có tài sản đảm bảo.

(g) Vay của Quỹ đầu tư và phát triển tỉnh Long An:

Hợp đồng cho vay vốn đầu tư phát triển số 01/2012.HĐTD ngày 16/01/2012, với hạn mức cho vay là 6.000.000.000 đồng, số tiền vay tại ngày 30/06/2012 là 6.000.000.000 đồng, mục đích Thi công xây dựng đường tỉnh 838 và đường tỉnh 839, thời hạn 12 tháng, lãi suất 14%/năm, khoản vay có tài sản đảm bảo.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị: đồng Việt Nam

	30/6/2012	01/01/2012
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.457.462.402	1.550.727.843
Thuế thu nhập cá nhân	121.377.387	128.338.352
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	110.052.797	-
Tổng cộng	**1.688.892.586**	**1.679.066.195**

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Đơn vị: đồng Việt Nam

	30/6/2012	01/01/2012
Chi phí lãi vay	2.542.641.453	4.733.915.334
Chi phí phải trả cho các công trình xây dựng	8.275.552.369	2.902.524.622
Tổng cộng	**10.818.193.822**	**7.636.439.956**

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

Đơn vị: đồng Việt Nam

	30/6/2012	01/01/2012
Kinh phí công đoàn	56.946.604	21.490.472
Bảo hiểm xã hội	61.605.981	12.363.719
Bảo hiểm y tế	25.646.864	-
Bảo hiểm thất nghiệp	12.981.640	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	*47.487.814.127*	57.560.572.523
Công ty cổ phần phát triển nhà Thủ Đức (a)	*39.371.254.586*	*36.582.447.833*
Nguyễn Hồng Nghĩa	*4.160.770.873*	*4.160.770.873*
Phải trả cổ tức năm 2010 (b)	-	*12.216.733.000*
Phải trả các đối tượng khác	*3.955.788.668*	4.600.620.817
Tổng cộng	**47.644.995.216**	**57.594.426.714**

(a) Công ty nhận tiền góp vốn theo Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức như sau:

- Số hợp đồng 91/HĐHT-08 ngày ký hợp đồng 4/7/2008;
- Mục đích hợp tác: Góp vốn đầu tư xây dựng dự án – khu Dân cư Trung tâm giai đoạn 2 thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An;
- Hình thức hợp tác đầu tư : Không hình thành pháp nhân và phân chia sản phẩm;
- Tỷ lệ vốn góp: Công ty 51% và Công ty CP Phát triển nhà Thủ Đức 49%; Tổng vốn góp dự kiến của dự án là 234.400.000.000 đồng;

(b) Xem thuyết minh bổ sung tại thuyết minh số 17.

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Đơn vị: đồng Việt Nam

	30/6/2012	01/01/2012
Vay dài hạn ngân hàng	**25.860.199.880**	**31.566.958.144**
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Long An (a)	1.660.199.880	2.766.958.144
Ngân hàng NN&PTNT – CN Miền Đông (b)	1.200.000.000	1.800.000.000
Ngân hàng Công Thương – CN Thủ Đức (c)	3.000.000.000	7.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Long An (d)	20.000.000.000	20.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	**(20.306.758.264)**	**(26.013.516.528)**
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Long An (a)	(1.106.758.264)	(2.213.516.528)
Ngân hàng NN & PTNT- CN Miền Đông (b)	(1.200.000.000)	(1.800.000.000)
Ngân hàng Công Thương – CN Thủ Đức (c)	(3.000.000.000)	(7.000.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Long An (d)	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
Tổng cộng	**5.553.441.616**	**5.553.441.616**

(a) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Long An theo hợp đồng tín dụng số 01/2010/HĐ, số tiền cho vay là 212.555 USD, số tiền vay tại ngày 30/06/2012 là 79.681,77 USD tương đương 1.660.199.880 đồng, số tiền đã chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả là 53.109,77 USD tương đương 1.106.758.264 đồng, thời gian vay 36 tháng, lãi suất 9.5%/năm, mục đích vay để thanh toán tiền nhập khẩu 01 máy trải thảm bê tông nhựa nóng và 04 máy lu rung, khoản vay có tài sản đảm bảo.

(b) Khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn – Chi nhánh Miền Đông theo hợp đồng tín dụng số 1904-LAV-200900367/HĐTD, hạn mức tín dụng 6.600.000.000 đồng, số tiền vay tại ngày 30/06/2012 là 1.200.000.000 đồng, đã chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả là 1.200.000.000 đồng, thời gian vay 36 tháng, lãi suất 18%/năm, mục đích vay đầu tư máy móc thiết bị thi công các công trình xây dựng, khoản vay có tài sản đảm bảo.

(c) Khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đức, theo hợp đồng tín dụng số 09.08.0038/HĐTD.TL hạn mức tín dụng 15.000.000.000 đồng, số tiền vay tại ngày 30/06/2012 là 3.000.000.000 đồng, đã chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả là 3.000.000.000 đồng, lãi suất 17%/năm, thời gian vay 36 tháng, mục đích vay thanh toán chi phí đầu tư dự án Khu chung cư cao tầng New Town Appartment, khoản vay có tài sản đảm bảo.

(d) Khoản vay dài hạn của Quỹ ĐT Phát triển tỉnh Long An theo hợp đồng tín dụng số 03/2011.HĐTD ngày 18/03/2011 số tiền vay: 20.000.000.000 đồng, số tiền vay tại ngày 30/06/2012 là 20.000.000.000 đồng, số tiền đã chuyển nợ dài hạn đến nợ đến hạn phải trả là 15.000.000.000 đồng, mục đích vay là sử dụng để thi công san lấp mặt bằng và hệ thống đường giao thông, hệ thống thoát nước của DA khu dân cư tung tâm thị trấn Bến Lức - Giai đoạn II tại thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức- Long An, thời hạn vay 2 năm, lãi suất 13%/năm, khoản vay có tài sản đảm bảo.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu và các quỹ

Đơn vị: đồng Việt Nam

Khoản mục	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 1/1/2012	**122.167.330.000**	**86.080.207.303**	**21.494.068.253**	**10.928.656.865**	**12.913.223.458**	**253.583.485.879**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	41.696.146	41.696.146
Lợi nhuận tăng khác trong kỳ (*)	-	-	-	-	12.216.733.000	12.216.733.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(334.756.283)	(334.756.283)
Chi phí Ban điều hành	-	-	-	-	(134.141.000)	(134.141.000)
Số dư ngày 30/6/2012	**122.167.330.000**	**86.080.207.303**	**21.494.068.253**	**10.928.656.865**	**24.702.755.321**	**265.373.017.742**

(*) Theo điều 3 của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 28 tháng 5 năm 2012 đã thay đổi phương thức chi trả cổ tức còn lại của năm 2010. Công ty sẽ trả 10% cổ tức năm 2010 còn lại bằng cổ phiếu với tỷ lệ 100:10 tương ứng với 1.221.673 cổ phiếu phát hành thêm.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	30/6/2012	01/01/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	12.216.733	12.216.733
- Cổ phiếu phổ thông	*12.216.733*	*12.216.733*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.216.733	12.216.733
- Cổ phiếu phổ thông	*12.216.733*	*12.216.733*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu hoạt động đất có hạ tầng	32.185.025.986	19.481.099.587
Doanh thu hoạt động xây lắp	30.503.230.226	52.433.070.821
Doanh thu hoạt động thương mại, dịch vụ	1.921.917.637	4.179.275.308
Tổng cộng	**64.610.173.849**	**76.093.445.716**

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn hoạt động đất hạ tầng	24.023.823.977	7.813.726.025
Giá vốn hoạt động xây lắp	29.740.649.471	51.212.038.443
Giá vốn hoạt động thương mại, dịch vụ	1.083.769.650	3.524.658.752
Tổng cộng	**54.848.243.098**	**62.550.423.220**

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	19.609.095	1.469.608.730
Cổ tức từ đầu tư chứng khoán	-	38.423.700
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	401.691.042	428.712.169
Lãi do thanh lý cổ phiếu	72.788.400	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	86.664.878
Tổng cộng	**494.088.537**	**2.023.409.477**

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền vay	4.875.373.849	3.128.732.266
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán	-	243.115.800
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty liên kết	96.234.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	339.749.104	745.507.336
Chi phí tài chính khác	17.490.702	43.834.556
Tổng cộng	**5.328.847.655**	**4.161.189.958**

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây :

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Kỳ này	Kỳ trước
Hoạt động kinh doanh bất động sản		
Doanh thu	32.185.025.986	19.481.099.587
Giá vốn và chi phí phân bổ	(32.229.212.859)	(12.911.820.164)
Thu nhập chịu thuế	**(44.186.873)**	**6.569.279.423**
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (A)	**-**	**1.642.319.856**
Hoạt động xây lắp, thương mại, dịch vụ và khác		
Doanh thu và thu nhập khác	35.133.601.745	58.756.840.551
Giá vốn và chi phí phân bổ	(34.944.618.568)	(57.426.473.950)
Lợi nhuận kế toán	**188.983.177**	**1.330.366.601**
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)	223.417.454	(38.423.700)
Thu nhập chịu thuế	**412.400.631**	**1.291.942.901**
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp (B)	**103.100.158**	**322.985.725**
Tổng thuế TNDN hiện hành (C) = (A) + (B)	**103.100.158**	**1.965.305.581**

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên vật liệu	1.941.569.597	4.514.183.465
Chi phí nhân công	5.064.786.072	4.165.758.114
Chi phí công cụ dụng cụ	234.733.490	46.171.742
Chi phí máy thi công	8.710.000	46.585.997
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.235.046.458	1.805.605.059
Chi phí thuế, phí, lệ phí	96.015.771	25.257.624.827
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.800.975.734	3.462.405.293
Chi phí khác bằng tiền	32.950.031.356	20.537.820.443
Chi phí thầu phụ	58.733.835.118	81.959.960.377
Tổng cộng	**102.065.703.596**	**141.796.115.317**

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Đơn vị: đồng Việt Nam

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	41.696.146	5.934.340.443
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	41.696.146	5.934.340.443
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.216.733	12.190.828
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3	487

25. THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan với các nghiệp vụ chủ yếu sau:

Công ty	Mối quan hệ	Giao dịch	Số tiền (đồng)
Công ty Miền Đông	Công ty liên kết	Bán hàng hóa,dịch vụ	772.743.443
		Mua hàng hóa, dịch vụ	13.102.388.285
Công ty Thái Bình Dương	Công ty liên kết	Bán hàng hóa,dịch vụ	439.488.132
		Mua hàng hóa, dịch vụ	9.189.546.992
Ông Vũ Văn Tuấn	Phó tổng giám đốc	Nhận chuyển nhượng vốn	12.190.500.000
		Đã thanh toán vốn nhận chuyển nhượng	382.877.875

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán số dư công nợ với các bên liên quan:

Công ty	Mối quan hệ	Giao dịch	Số tiền (đồng)
Công ty Miền Đông	Công ty liên kết	Phải trả	2.303.065.650
Công ty Thái Bình Dương	Công ty liên kết	Phải trả	5.478.211.562
Công ty Kinh Bắc	Công ty liên kết	Phải trả	583.542.323
Ông Vũ Văn Tuấn	Phó tổng giám đốc	Phải thu	11.807.622.125

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt kiểm toán.

Phạm Thị Lan Hương	Tô Thị Thúy Hà	Phạm Đức Tấn
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc

Ngày 24 tháng 7 năm 2012